

BÁO PHỤ NỮ TÂN VĂN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX VỚI VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN Ở NAM BỘ

MAI THỊ MỸ VI*
LÊ THỊ HUYỀN**

Trong những thập niên đầu thế kỷ XX, “nữ quyền” hay “nam nữ bình quyền” là chủ đề được bàn luận sôi nổi trên sách báo quốc ngữ, và “nữ quyền” đã nhanh chóng trở thành vấn đề tự nhận thức về quyền bình đẳng của phụ nữ. Báo Phụ nữ Tân văn ở Nam Bộ ra đời trong trào lưu ấy, và là tờ báo có nhiều đóng góp tích cực trong việc đấu tranh giải phóng phụ nữ. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích làm rõ những nội dung kêu gọi nữ quyền trên báo Phụ nữ Tân văn thời kỳ này như: phụ nữ phải có chức nghiệp, không sống phụ thuộc, chủ động về tài chính; phụ nữ phải được giáo dục, có tri thức; và vận động phụ nữ thoát khỏi những ràng buộc lạc hậu của lễ giáo phong kiến.

Từ khóa: Phụ nữ Tân văn, nữ quyền ở Nam Bộ, đầu thế kỷ XX

Nhận bài ngày: 1/9/2019; đưa vào biên tập: 3/9/2019; phản biện: 23/9/2019; duyệt đăng: 4/12/2019

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ cuối thế kỷ XVIII các lý thuyết về nữ quyền bắt đầu xuất hiện, đầu tiên ở Pháp sau đó lan rộng ra toàn thế giới. Đến giữa thế kỷ XX phong trào nữ quyền diễn ra mạnh mẽ ở Mỹ, Anh với nhiều cuộc vận động nữ quyền và thuyết nữ quyền ra đời. Mỗi giai đoạn phát triển, phong trào nữ quyền đặt ra nhiều quyền khác nhau cho phụ nữ.

Ở Việt Nam, từ thế kỷ XX trở về trước,

vấn đề nữ quyền chưa được đề cập nhiều. Phụ nữ Việt Nam thường được nói đến như là người quán xuyến nhiều công việc khác nhau trong gia đình và xã hội. John Barrow (1764 - 1848) đã mô tả: “Phụ nữ ở đây rất năng động, họ trông coi việc làm nhà, chỉ đạo lò gốm, chèo thuyền mang hàng ra chợ bán, bặt bông, kéo sợi, dệt vải, may vá quần áo” (dẫn theo Đặng Thị Vân Chi 2004: 49).

Năm 1929, với sự ra đời của báo *Phụ nữ Tân văn*, tờ báo thứ hai (sau tờ *Nữ giới Chung* năm 1918) ở Việt Nam nói

^{*, **} Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

chung và Nam Bộ nói riêng, chuyên bàn về vấn đề phụ nữ với những tư tưởng hết sức tiến bộ. Nghiên cứu này tập trung phân tích một số nội dung nữ quyền trên tờ báo này những năm đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ.

2. CUỘC VẬN ĐỘNG NỮ QUYỀN ĐẦU THẾ KỶ XX

Xã hội phong kiến Việt Nam chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo, phụ nữ bị trói buộc bởi những quan niệm “nam tôn, nữ ty”, “nam ngoại, nữ nội”, hay những chuẩn mực đạo đức tam tòng, tứ đức... Những tư tưởng này đã kìm hãm sự tự do phát triển của phụ nữ trong xã hội, bó hẹp những hoạt động của phụ nữ ở trong phạm vi gia đình. Địa vị của phụ nữ không thực sự được coi trọng. Họ không được đi học, không được tham gia vào các hoạt động xã hội...

Đến đầu thế kỷ XX, cùng các chính sách đối với thuộc địa của Pháp, trong đó có giáo dục là sự ảnh hưởng bởi các trào lưu tư tưởng tiến bộ trên thế giới, xã hội Việt Nam có nhiều biến đổi trên các phương diện kinh tế, chính trị, xã hội đến văn hóa, giáo dục. Mọi sự biến đổi trong xã hội lúc này cũng đã tác động trực tiếp tới đời sống của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ ở các đô thị. Phụ nữ lúc này bắt đầu tham gia vào nhiều ngành nghề của xã hội, kể cả những ngành nghề mới như hoạt động nghệ thuật, làm công nhân trong các đồn điền, hầm mỏ, các xưởng sản xuất... Phụ nữ còn tham gia vào công việc dịch vụ trong các đô thị, bán hàng, làm phụ bếp, làm người giúp việc...

Năm 1917, với việc Pháp cho ban hành *Quy chế về giáo dục Đông Dương* (Học chính tổng quy), lần đầu tiên phụ nữ Việt Nam được đi học cùng một chương trình giáo dục như nam giới. Nhưng khác với nam sinh, nữ sinh mỗi tuần được học thêm một số giờ nữ công gia chánh (theo quy định của Học chính tổng quy) (dẫn theo Đặng Thị Vân Chi, 2004: 47-55). Từ thập niên 1920, cùng với sự thay đổi mọi mặt của xã hội Việt Nam, phụ nữ đã trở thành một lực lượng xã hội mới, một đối tượng quan tâm của nhiều khuynh hướng chính trị thời bấy giờ.

Thời điểm này ở các đô thị lớn, phong trào vận động nữ quyền bắt đầu phát triển. Tiếng nói cổ động cho việc giải phóng phụ nữ, nam nữ bình quyền diễn ra ở nhiều diễn đàn, đặc biệt vấn đề nữ quyền được phản ánh nhiều trên các lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật và báo chí.

Chẳng hạn như *Đại Nam Đăng cổ tùng báo* (1907) là tờ báo quốc ngữ hiếm hoi trong thời kỳ này dành riêng một chuyên mục để bàn luận về phụ nữ Việt Nam, đó là mục “*Nhời đàn bà*” (lời đàn bà). Mục “*Nhời đàn bà*” của báo tập trung vào việc khuyến khích phụ nữ đi học, giải vấn đề phụ nữ với vấn đề canh tân xã hội, phê phán những tập quán cổ hủ, lạc hậu tồn tại trong sinh hoạt của phụ nữ bấy lâu nay như tảo hôn, mê tín dị đoan... và mục “*Nhời đàn bà*” còn được xuất hiện trên nhiều tờ báo khác ở miền Bắc như *Đông Dương Tạp chí* (1913), *Trung Bắc Tân văn* (1915). Nhìn

chung, mục “*Nhời đàn bà*” trên các tờ báo này đã phản ánh những ảnh hưởng của văn hóa, văn minh phương Tây trong nhận thức của giới trí thức ở miền Bắc (chủ yếu là nam giới) về phụ nữ. Họ nhận thức được vị thế quan trọng của phụ nữ trong một xã hội. Và vấn đề nữ quyền không chỉ là vấn đề chung của xã hội, mà nhanh chóng trở thành vấn đề tự nhận thức của bản thân phụ nữ khi có tờ báo riêng dành cho phụ nữ ra đời ở Nam Bộ năm 1918 là tờ *Nữ giới Chung*. Sau đó, sự xuất hiện của tờ *Phụ nữ Tân văn* (1929), đánh dấu sự phát triển của dòng báo bàn luận về phụ nữ ở Việt Nam.

Trong giai đoạn này cũng xuất hiện các hình thức “hội”, “viện”, “thư quán”, “học xá”... Đội ngũ sáng tác và dịch thuật là những phụ nữ ở nhiều nơi trong cả nước. Trong đó phải kể đến *Nữ lưu thư quán Gò Công* do Phan Thị Bạch Vân phụ trách, ra đời vào năm 1928. Đây là một tổ chức “thư quán”, một mô hình hoạt động văn hóa với nhiều phương thức, kết hợp thương mại và học thuật nhằm phát huy khả năng văn học và báo chí của phụ nữ, xây dựng một quan niệm mới về hình tượng phụ nữ trong xã hội mới góp phần xây dựng tinh thần thời đại.

Ngoài ra các sách nghiên cứu về nữ quyền, về bình đẳng nam nữ cũng xuất hiện trong thời gian này, tiêu biểu là tác phẩm *Nam nữ bình quyền* của Đặng Văn Bầy (1903 - 1983), xuất bản năm 1928 ở Sài Gòn và bị cấm

khoảng một năm sau đó. Đặng Văn Bầy có lẽ là tác giả sớm nhất ở Việt Nam viết về nữ quyền và *Nam nữ bình quyền* là một tiếng nói tiên phong trong phong trào đấu tranh cho quyền bình đẳng nam nữ, bảo vệ quyền phụ nữ. Những tư tưởng trong tác phẩm này khá tiến bộ, đã vượt xa bối cảnh lịch sử và tinh thần thời đại.

3. BÁO PHỤ NỮ TÂN VĂN VỚI VẤN ĐỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ

Báo *Phụ nữ Tân văn*, tính đến năm 1945 được coi là tờ tuần báo quan trọng nhất ở Sài Gòn, được phát hành rộng rãi cả nước và thu hút lượng lớn độc giả. Báo ra đời vào ngày 2/5/1929, do ông Nguyễn Đức Nhuận và bà Cao Thị Khanh làm chủ bút, là những người yêu nước tiến bộ, muốn góp sức cho đất nước, giúp ích cho đồng bào, đặc biệt là phụ nữ, và mong muốn tiếp nối tinh thần duy tân, cải cách đất nước vào đầu thế kỷ XX. Báo ra đời năm 1929 và đóng cửa vào ngày 21/4/1935, với 273 số. Nội dung của báo *Phụ nữ Tân văn*, không chỉ đề cập đến vấn đề của phụ nữ mà còn có xu hướng thiên về đại chúng, quan tâm đến những vấn đề thường nhật của xã hội, bao gồm các chuyên mục như: xã thuyết; vấn đề giải phóng phụ nữ; phụ nữ và gia đình; vệ sinh khoa học thường đàm; thời sự đoàn bình; tiểu thuyết, phóng sự; thư cho bạn gái...

3.1. Tuyên truyền đẩy mạnh giáo dục cho phụ nữ

Là một cơ quan “chuyên tâm khảo cứu những vấn đề liên quan đến phụ nữ”, từ khi ra những số báo đầu tiên,

Phụ nữ Tân văn đã đăng nhiều bài viết cổ động phong trào giáo dục cho phụ nữ. Trong bài “*Sức khôn của đàn bà có thua gì đàn ông hay không?*” trên số 5 (30/5/1929), tác giả Đào Hoa đã phân tích lý do từ xưa đến nay phụ nữ thường bị đánh giá yếu kém so với đàn ông. Họ bị kìm hãm bởi cái tư tưởng “nam tôn, nữ ty”, “phụ nơon nan hóa”, “chỉ có đũa tiểu nhân và đàn bà là khó dạy”... Cho nên, “toàn thể chị em mình ở trên thiệt sự ngày nay, mà thua anh em đờn ông là về phần trí lực, là tự bao nhiêu lâu nay hoàn cảnh xã hội nó trói buộc ta chặt quá, không cho tinh thần ta có cơ hội mở mang ra được, chớ không phải chị em mình sanh ra, để đối với đờn ông, thì mình chỉ là hạ lưu đâu” (Đào Hoa, số 5, 1929: 13). Vì vậy, phụ nữ muốn không bị đàn ông xem thường thì phải chăm lo học hành, đây là quan niệm mới mẻ về phụ nữ, và đấu tranh cho bình quyền của phụ nữ, muốn có được bình đẳng thì chị em phải có tri thức, phải được giáo dục, nâng cao nhận thức của bản thân, tránh được sự áp bức, thiệt thòi trong đời sống. Giáo dục theo quan điểm của *Phụ nữ Tân văn* cũng được hiểu là giúp nâng cao sức khỏe, nâng cao thể lực để thân thể được khỏe mạnh, tinh thần được minh mẫn để làm việc và cống hiến. Nếu tác dụng của giáo dục là to lớn vậy thì tại sao những phụ nữ không được hưởng những hữu dụng mà giáo dục đem lại.

Để khắc phục những thiệt thòi, khuyết điểm đó, *Phụ nữ Tân văn* đưa ra

những kiến nghị với những người có chức sắc, địa vị cao trong xã hội nên có những hành động thiết thực để đem lại những quyền lợi giáo dục cho phụ nữ:

“... 1^o Các ông đại biểu vận động sao cho chánh phủ lập trường con gái khắp nơi, cho có đủ thầy giáo tài năng và nhất là chương trình giáo huấn cho có chủ nghĩa chánh đáng; 2^o Các nhà trí thức thì lập nên những trường tiểu học, trung học và cao đẳng, dạy bằng chữ quốc ngữ cả; từ lớp trung học thì dạy chữ Pháp theo cách dạy tiếng ngoại quốc; 3^o Các bà từ thiện và có hăng sản lập ra những lớp học cho người lớn, để cho đàn bà có chồng con rồi cũng có thể nhàn vài giờ mỗi ngày đến đó mà học tập; 4^o Nhà nhiệt thành về sự công ích hợp một hội đồng làm sách nữ tử giáo khoa thơ, lựa toàn người hay; sách làm phát cho không, hay là bán thật rẻ” (P.N.T.V, số 7, 1929: 5).

Để cổ động phong trào giáo dục cho phụ nữ, báo *Phụ nữ Tân văn* đã cho đăng tải nhiều bài viết với chủ đề “Vấn đề phổ thông tri thức cho đàn bà – Có lẽ nào chị em ta chịu dốt”, trong ba kỳ liên tiếp từ số 33 (19/12/1929), 34 (26/12/1929) đến số 35 (2/1/1930). Nội dung của các bài viết này xoay quanh vấn đề mở mang tri thức phổ thông cho phụ nữ, đặc biệt là phổ cập chữ viết, vì “chữ viết là một thứ khí giới cho người ta dùng để hiểu biết mọi sự vật, và truyền bá sự văn minh. Nó là một con đường đưa lên cuộc tiến hóa. Không có nó thì nhà

triết học lấy gì mà bày tỏ việc phát minh; nhà chánh trị lấy gì mà bình vực ý kiến; việc giáo dục lấy gì mà căn cơ; cho tới người bình dân lấy gì mà có phổ thông tri thức; dân lấy gì mà giỏi mà hay, nước lấy gì mà giàu mà mạnh cho được?” (P.N.T.V, số 33, 1929: 5).

Chữ viết góp phần rất lớn vào việc phổ biến tri thức. Cho nên, nhiều người biết chữ thì nhiều người có tri thức phổ thông, phụ nữ biết chữ thì sẽ có những tri thức phổ thông cần thiết. Vì vậy, “chị em ta ngày nay, càng nhận biết cái chức trách của mình ở gia đình và ở xã hội là quan hệ bao nhiêu, càng muốn giải phóng cho mình bao nhiêu, thì càng phải cần phổ thông tri thức mới được” (P.N.T.V, số 33, 1929: 6). Những tri thức phổ thông thực sự là cần thiết với chị em, nhưng làm sao để cho các chị em, dù sang hay hèn, già hay trẻ, đều được phổ thông tri thức ít nhiều, để có thể gánh vác những công việc trong gia đình, sau đó thì đóng góp cho xã hội. Trong số báo 34 (26/12/1929), cũng trong chủ đề “Vấn đề phổ thông tri thức cho đàn bà - Có lẽ nào chị em ta chịu dốt”, báo *Phụ nữ Tân văn* đã khuyến khích phụ nữ nên vào các trường nữ học. Dù các trường nữ học này không phải là nơi đào tạo tri thức cho phụ nữ, phần nhiều chỉ dạy nữ công gia chánh, dạy về kiến thức sinh sản... nhưng xét ra nhà trường vẫn là nơi đào tạo tốt hơn ở nhà.

Những năm sau, tiếp tục cuộc vận động giáo dục phụ nữ, *Phụ nữ Tân*

văn có nhiều bài viết đề cập đến những ích lợi của học thức đối với phụ nữ. Trong bài viết “*Vì sao phụ nữ cần phải có học thức rộng?*”, nữ sĩ Đạm Phương giải thích rằng phụ nữ chúng ta chưa đạt được trình độ bình đẳng với đàn ông, tất cả đều do nhân cách, mà nhân cách là nhờ học thức mà nên. Vì vậy, chị em phụ nữ cần phải có học thức rộng: “... Nữ giới cần phải có học thức rộng, vì chị em ta muốn đánh đổ cái thói xấu nam tôn nữ ty, mà bước lên cái bước thang nam nữ bình quyền; Nữ giới cần phải có học thức rộng, vì chị em ta muốn làm cho trọn cái thiên chức rất quan trọng, là tùy theo thời thế mà cải tạo gia đình liên với xã hội, để mưu sự hạnh phúc cho nhơn quần” (Đạm Phương, số 42, 1930: 5-6).

Bàn về lợi ích của giáo dục, số ra ngày 24/4/1930, với bài viết “*Chị em ta nên cần phải có học thức*”, tác giả Chung Bá Khánh cho rằng: nếu có giáo dục, có học thức, phụ nữ mới dễ có nghề nghiệp để tự nuôi lấy thân [...]. Phụ nữ có học thức có thể tham gia cả công việc xã hội và gia đình, có thể nuôi dạy con cái tốt hơn. Riêng về dạy con cái, Chung Bá Khánh (số 49, 1930: 6) cho rằng: “Nếu người mẹ mà có học thức, dạy con theo phép tắc thì sau đứa con dễ nên. Còn người mẹ ngu dốt dạy không theo phép, thì đứa con sau dễ hư; vì con trẻ mới sinh ra, tánh chất và tâm chí chưa định, đương còn thuần tốt, chưa nhiễm thói đời, cho nên tập sao được vậy, cũng như tờ giấy trắng kia, hay, dở, xấu, tốt là tùy theo người làm văn và tay đăng tả vậy”.

Với quan niệm tiến bộ và đánh giá cao vai trò của giáo dục đối với phụ nữ, báo *Phụ nữ Tân văn* đã đưa ra những quan điểm tiến bộ, mới mẻ nâng cao nhận thức của phụ nữ, đưa họ đến cuộc sống tốt đẹp hơn, bình đẳng hơn. Theo đó, phụ nữ phải có quyền được học tập, có tri thức và rèn luyện sức khỏe. Với mục đích trên, *Phụ nữ Tân văn* đã khởi xướng nhiều kế hoạch liên quan đến giáo dục phụ nữ: phổ thông tri thức cho phụ nữ, mở trường nữ học dạy bằng chữ quốc ngữ, lập hội đồng làm sách cho phụ nữ... Những đề xuất đó, góp phần thúc đẩy phụ nữ và xã hội quan tâm nhiều đến vấn đề giáo dục, đẩy mạnh việc phổ thông tri thức cho phụ nữ.

3.2. Tuyên truyền cho phong trào phụ nữ chức nghiệp

Nghề nghiệp được xem là một trong những yếu tố quan trọng để đem lại quyền bình đẳng cho phụ nữ. Vì vậy, vấn đề này đã thu hút sự quan tâm chú ý và gây ra nhiều tranh luận trên các diễn đàn báo chí những năm 1930. Nhiều tờ báo dành cho phụ nữ đã đăng tải hàng loạt bài viết về vấn đề này. Phong trào vận động phụ nữ với chức nghiệp một phần xuất phát từ thực tế là có nhiều chị em phụ nữ thuộc tầng lớp tư sản và tiểu tư sản thành thị, vợ và con gái của các công chức, quan lại của chính quyền thuộc địa... không làm việc, dùng thời giờ nhàn rỗi vào những việc vô bổ như đánh bài, đọc tiểu thuyết diễm tình, hầu đồng..., và một bộ phận phụ nữ ở tầng lớp thấp hơn thì sống dựa vào

nam giới, do không có nghề nghiệp. Vì vậy, những người khởi xướng phong trào này hô hào, cổ động phụ nữ tham gia vào lao động xã hội, coi nghề nghiệp là một cách để mà giải phóng phụ nữ, yêu cầu bình quyền nam nữ.

Phụ nữ Tân văn đã đăng tải nhiều bài viết nhằm vận động cho phong trào phụ nữ tạo dựng nghề nghiệp để tự lập, nuôi sống bản thân và gia đình, đồng thời tham gia vào việc sản xuất của cải cho xã hội. Báo *Phụ nữ Tân văn* ra ngày 4/7/1929, có bài “*Chị em ta nên học những nghề nghiệp để mưu tự lập lấy thân*”, khuyến khích phụ nữ nên có một nghề nghiệp để tự nuôi bản thân, khỏi phải ăn bám cha mẹ, chồng con, có thể tạo lập được sự bình đẳng với nam giới. Tác giả lý giải nguyên do của sự bất bình đẳng giữa nam và nữ một phần do phụ nữ không có nghề nghiệp, sinh ra phụ thuộc, dựa dẫm đàn ông. Cho nên, “mỗi người đàn bà có chức nghiệp trong tay thì sanh hoạt có vẻ tự do, thân thể nhẹ phần đau đớn, hạnh phúc của đời người là ở đó mà ra” (Huỳnh Lan, số 10, 1929: 10). Bài viết còn nêu ra những lợi ích của phụ nữ khi có nghề nghiệp. Nếu phụ nữ có chức nghiệp, sẽ giúp ích bản thân, có thể tự lo cho cuộc sống của mình và giúp đỡ được cho cha mẹ. Dù là con nhà giàu đi chăng nữa, cũng nên có một nghề nghiệp, để lỡ sau này gia đình có sa sút thì có nghề nghiệp phòng thân; hoặc lúc lập gia đình, sẽ giúp đỡ được chồng, nuôi dạy con cái. Ngoài ra, phụ nữ có chức nghiệp thì

tự nhiên sẽ giữ gìn đức hạnh, tránh được tình trạng “nhàn cư vi bất thiện”. Và phụ nữ có chức nghiệp, có thể giáo dục được con cái, gây dựng được sự nghiệp riêng, thay đổi được hoàn cảnh bản thân. Nơi nào có phụ nữ chịu khó làm việc thì nơi đó có tấm gương tốt cho chị em noi theo.

Vì vậy, chỉ có làm việc, tự lập phụ nữ mới mong đòi quyền bình đẳng với nam giới, vì “tạo vật sanh ra người, bất ai cũng phải làm lụng và mạnh mẽ lên thì mới có quyền lợi, mới có cơ sống; chị em ta cũng là người, nếu không lo tự lập lấy thân, cả đời chỉ trang điểm và bám vào người đàn ông mà ăn, lại còn đòi bình đẳng bình quyền với họ, chẳng hóa ra đòi một cách vô lý làm sao?” (Huỳnh Lan, số 10, 1929: 5). Như vậy, phụ nữ muốn nhận được sự bình đẳng thì phải có chức nghiệp, con người có tự lập mới được tự do, và đất nước có tự cường thì mới mong tự trị: “Trời đất có cho người nào không tự lập mà được tự do, có dân tộc nào không tự cường mà được tự trị bao giờ?” (Huỳnh Lan, số 10, 1929: 6). Quan điểm tân tiến về nữ quyền trên báo *Phụ nữ Tân văn*, là một bước tiến dài về sự tiến bộ và giải phóng phụ nữ.

Về sau, báo *Phụ nữ Tân văn* tiếp tục đăng tải nhiều bài viết khuyến khích phụ nữ có nghề nghiệp để lập thân: “*Nghĩa vụ của chị em là phải lo cho có nghề nghiệp*” (số 44, 20/3/1930), “*Chị em ta đừng ăn bám chồng con nữa*” (số 64, 7/8/1930), “*Mở cửa sổ cho đàn bà vô*” (số 93, 2/8/1931), “*Cái hại ăn*

dưng ngồi rồi của chị em ta” (số 107, 5/1/1931), “*Cuộc vận động cho đàn bà có chức nghiệp*” (số 227, 7/12/1933)... Các bài viết này đều phê phán những tệ hại của tật ăn bám, “ăn không ngồi rồi” của các phụ nữ con nhà quyền quý. Kêu gọi những người phụ nữ này hãy thoát khỏi cảnh “sự sống mà nhờ cậy vào lưng người”, bỏ thói dãi dụa mà ra ngoài xã hội làm việc, lập nghiệp để nuôi sống bản thân, thoát cảnh sống lệ thuộc.

Ngoài ra, *Phụ nữ Tân văn* còn đưa ra nhiều tấm gương các phụ nữ ở châu Âu, Mỹ đã thay đổi địa vị trong gia đình và xã hội khi họ được học hành, có nghề nghiệp, để phụ nữ Việt Nam soi vào: “Đàn bà Âu Mỹ, mấy trăm năm về trước, họ cũng ở cái cảnh ngộ như chị em mình, chớ không khác chút nào, những về sau vì họ chịu học, chịu làm, và biết lo lắng về chức nghiệp để tự lập lấy thân, thành ra họ được giải phóng, được đứng vào địa vị ngang vai bằng lứa với đàn ông ở trong gia đình, hay là ở ngoài xã hội cũng vậy. Cái gương đó chính là cái gương cho chúng ta soi để tự giải phóng lấy mình” (Phương Lan, số 64, 1930: 5-6).

Hoặc lấy gương phụ nữ ở Nhật Bản, một nước Châu Á cùng chịu ảnh hưởng của Nho giáo như Việt Nam, nhưng họ cũng đã thay đổi rõ rệt trong những năm đầu thế kỷ XX: “Cái xã hội Nhứt-bổn hồi trước khinh khi phụ nữ chức nghiệp đến thế, nhưng mà sau 30 năm gần đây, thì tình thế ấy đã đổi khác hẳn. Đàn bà đã nhận biết cái sự

sanh nhai tự lập là cần, đến đổi xưa kia ai khinh khi người đàn bà làm chức nghiệp bao nhiêu, thì bây giờ người đàn bà không có chức nghiệp cũng bị khinh khi bấy nhiêu. Bởi vậy, bây giờ chị em bên ấy đã thoát cái tập tục ngày xưa, không còn cứ ôm lấy những việc cửa nhà bếp núc, mà cũng ra ngoài làm việc, lo bề sanh công kế lợi như đàn bà Âu Mỹ vậy” (Phương Lan, số 64, 1930: 6). Những hoạt động của *Phụ nữ Tân văn* nhằm đẩy mạnh phong trào phụ nữ chức nghiệp, đã góp phần vận động phụ nữ, nhất là phụ nữ ở đô thị, tham gia vào lao động xã hội. Các bài viết trên báo giúp phụ nữ biết nhận thức tầm quan trọng của việc phải có nghề nghiệp, để vừa nuôi sống bản thân, thoát khỏi cảnh sống lệ thuộc và đem lại quyền bình đẳng với nam giới.

3.3. Vận động phụ nữ thoát khỏi các ràng buộc lạc hậu của lễ giáo phong kiến

Là một nước chịu ảnh hưởng bởi những lễ giáo Nho giáo, nên phụ nữ Việt Nam sinh ra đã phải chịu nhiều thiệt thòi, chịu nhiều ràng buộc trong sinh hoạt cá nhân, đời sống gia đình và xã hội. Vì vậy, chủ trương giải phóng phụ nữ khỏi ràng buộc của lễ giáo phong kiến được xem như là một giải pháp nhận được sự ủng hộ của nhóm trí thức cấp tiến và những người nhận thấy sự hạn chế và phi thực tế của phong trào phụ nữ tư sản thời bấy giờ như Diệp Văn Kỳ, Phan Khôi... Nhận thức được thân phận nô lệ của người Việt Nam dưới thời Pháp

thuộc, biết rằng không thể giải quyết vấn đề phụ nữ trong khuôn khổ của chế độ thuộc địa nên họ quay sang vận động giải phóng phụ nữ ở khía cạnh đạo đức. Đó là việc xem xét lại các giá trị đạo đức phong kiến đang ràng buộc phụ nữ, như tam tòng, tứ đức, chế độ đa thê, vấn đề trinh tiết của phụ nữ, phụ nữ góa chồng hay tái giá... Đặc biệt, sau một loạt vụ tự tử của các cô dâu mới ở Sài Gòn và Hà Nội trên báo chí, các tác giả lại càng thảo luận nhiều về chế độ đại gia đình, hôn nhân tự do, tự do cá nhân...

Trên báo *Phụ nữ Tân văn* xuất hiện một loạt bài phê phán những nguyên tắc đạo đức phong kiến: “*Chữ trinh, cái tiết với cái nết*” (ngày 19/9/1929), “*Luận về phụ nữ tự sát*” (ngày 26/9/1929), “*Bàn thêm về tự do kết hôn*” (ngày 5/10/1929), “*Cái chế độ gia đình ở nước ta đem giống với luân lý Khổng Mạnh*” (ngày 3/6/1930), “*Luân lý xã hội chỉ buộc có một mặt*” (ngày 26/1/1931), “*Gia đình ở xứ ta nay cũng thành ra vấn đề rồi*” (ngày 21/5/1931), “*Tam tòng, tứ đức ngày nay còn thích hợp với chị em ta không?*” (ngày 30/7/1931), “*Tổng Nho với phụ nữ*” (ngày 13/8/1931), “*Đàn bà với ái tình*” (ngày 13/8/1931), “*Một cái hại của chế độ đại gia đình: Bà gia với nàng dâu*” (ngày 20/8/1931)... (dẫn theo Đặng Thị Vân Chi, 2004: 10). Những vấn đề đặt ra ở báo *Phụ nữ Tân văn* nhằm vận động phụ nữ thoát khỏi các lễ giáo phong kiến như trinh tiết, tự do trong hôn nhân, phụ nữ góa chồng hay tái giá...

Nhiều nhà trí thức lúc bấy giờ đã lên tiếng phản đối những hủ tục đè lên vai người phụ nữ, trong đó Phan Khôi. Phan Khôi cho rằng quan niệm trinh tiết với việc cấm đàn bà góa chồng tái giá bắt đầu từ thời Tống Nho, với câu nói của Trình Di (1033 - 1107): “Chết đói là việc nhỏ, thất tiết là việc lớn”. Theo Phan Khôi, đây là một luật lệ bất công đối với phụ nữ và cho rằng “cái luật nghiêm khắc ấy do lòng tham lam và thói ích kỷ của bọn đàn ông bày ra, rất là không công bình”. Cùng một sự việc, nếu đàn ông làm thì bình thường, còn đàn bà làm thì bị gọi là phi đạo đức. Cái thuyết “thủ tiết” của Tống Nho ấy chẳng những “giam đàn bà vào trong cái cảnh điêu đứng đắng cay và thấp hèn mà còn sanh ra cái lệ khinh rẻ mạng người là như thế nữa” (Phan Khôi, số 28, 1929: 13).

Từ việc xem xét lại quan niệm trinh tiết, phê phán tục lệ bắt buộc phụ nữ thủ tiết thờ chồng, không cho cải giá, *Phụ nữ Tân văn* cũng phê phán những hạn chế của chế độ đại gia đình, không được tự do trong hôn nhân đã tồn tại lâu đời trong các gia đình Việt Nam. Những quan niệm lỗi thời như “nữ sinh ngoại tộc”, “tam tông, tứ đức” đã không cho phụ nữ cái quyền tự do định đoạt chuyện hôn nhân của mình. Từ đó dẫn đến tình trạng ép duyên, gả bán, thách cưới làm nảy sinh mâu thuẫn trong gia đình, ảnh hưởng tới hạnh phúc lứa đôi.

Báo *Phụ nữ Tân văn* cũng đăng nhiều bài viết ủng hộ tự do kết hôn vì tình yêu, trai gái nên được tự do tìm hiểu

nhau trước hôn nhân. Con gái nên được tự do lựa chọn bạn trăm năm vì cho rằng điều này hợp với thời đại và cũng hợp với luân lý, đạo đức. Bởi vì, “thời nào kỷ cương ấy”, “người thời xưa chất phác, phong tục thời xưa thuần hậu, thì cha mẹ định gả vợ gả chồng cho con là phải; người thời nay tinh khôn sớm, văn minh thời nay trọng nhân quyền, tôn tự do, trai gái đến tuổi thành nhân, đã có óc suy xét, óc học thức, trai gái có thể tự kén lựa lấy người xứng đôi phải lứa mà kết thành vợ chồng, tự do kết hôn là phải” (Băng Tâm, số 23, 1929: 11).

Trong bài “Đàn bà với ái tình”, đăng trên *Phụ nữ Tân văn* số 95 ra ngày 13/8/1931, tác giả Thạch Lan cũng đưa ra yêu cầu phụ nữ phải có quyền được lựa chọn bạn trăm năm. Và hôn nhân tự do được nhiều người xem là một giải pháp cho vấn đề khủng hoảng gia đình, thanh niên tự tử trong các đô thị lớn thời điểm này.

Ngoài các bài báo về giáo dục phụ nữ, phụ nữ chức nghiệp và kêu gọi phụ nữ thoát khỏi những ràng buộc lễ giáo lạc hậu, báo *Phụ nữ Tân văn* còn có nhiều đóng góp khác cho phong trào giải phóng phụ nữ, như vận động phong trào phụ nữ với thể thao, quyền bầu cử và ứng cử; phổ biến những kiến thức khoa học, pháp luật, vệ sinh, nữ công...

4. KẾT LUẬN

Với những hoạt động tác động tích cực đầu thế kỷ XX, *Phụ nữ Tân văn* bước đầu đã tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của phụ nữ và

xã hội về tư tưởng dân chủ, bình đẳng và tự do cá nhân, trong đó có vấn đề nữ quyền với tư tưởng tiến bộ, hiện đại. Về sau, một bộ phận lớn những phụ nữ này đã tham gia vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trước và sau năm 1945 trên cả hai miền đất nước.

Tuy nhiên, phong trào vận động giải phóng phụ nữ mà báo *Phụ nữ Tân văn* khởi xướng cũng gặp một số hạn chế:

Thứ nhất, phong trào giải phóng phụ nữ do báo Phụ nữ Tân văn khởi xướng chỉ ảnh hưởng tới một bộ phận nhỏ phụ nữ trong xã hội. Cuộc vận động nữ quyền trên báo chỉ tác động đến phụ nữ thuộc tầng lớp trung lưu, chưa tác động nhiều đến tầng lớp phụ nữ nghèo ở thành thị và nông thôn. Những phụ nữ này quanh năm làm lụng vất vả, không biết chữ và không có tiền mua báo, thậm chí ở nông thôn còn không biết báo chí là gì. Vì vậy, có thể nói, những tư tưởng giải phóng phụ nữ của báo mới chỉ tác động đến một bộ phận nhỏ phụ nữ trong xã hội vào đầu những năm 1930.

Thứ hai, phụ nữ chưa tham gia tích cực vào vấn đề giải phóng phụ nữ. Mặc dù báo chí tuyên truyền tinh thần “giải phóng”, nhưng nhiều phụ nữ vẫn còn lãnh đạm, thờ ơ với những vấn đề trực tiếp liên quan tới mình. Đến những năm 1930, phụ nữ Việt Nam

đạt được những thành quả bước đầu như được đi học, có nghề nghiệp mới (thư ký, giáo viên, nhà văn, nhà báo, y tá, dược tá...), nhưng chưa chủ động tham gia vào các công việc xã hội. Báo *Phụ nữ Tân văn* ra ngày 10/7/1930, với bài viết “*Cái tánh lạt lẽo của chị em ta đối với mọi việc*” đã phê phán việc phụ nữ không có thái độ tích cực với công việc xã hội. Tác giả bài báo nhận định: “thật chị em ta không sốt sắng ngay với những việc có quan hệ trực tiếp đến thân mình hay là đoàn thể của mình chứ chưa nói chi đến xã hội hơn quần là chuyện cao xa quá” (Phương Lan, số 60, 1930: 3).

Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự hưởng ứng dè dặt của phụ nữ với cuộc vận động nữ quyền là do dư luận xã hội còn khắt khe với hình ảnh phụ nữ hiện đại. Những rào cản về mặt dư luận xã hội này là do xã hội lúc bấy giờ vẫn chưa thoát khỏi sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo về vai trò và vị trí của phụ nữ trong xã hội, khiến những quan niệm cổ hủ về phụ nữ không dễ gạt bỏ. Vì vậy, các tổ chức của phụ nữ, trong đó có báo *Phụ nữ Tân văn*, còn khó khăn trong việc thu hút sự tham gia đông đảo của chị em phụ nữ, để góp phần vào công cuộc canh tân xã hội thời bấy giờ. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Tờ Nữ giới Chung* là tờ báo phụ nữ đầu tiên, ra đời năm 1918 ở Nam Bộ, do Trương Nguyệt Anh, con gái Nguyễn Đình Chiểu làm chủ bút.

(2) Nghị định ngày 21/12/1917 của Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut về việc cho ban hành “Quy chế chung về ngành giáo dục ở Đông Dương”, lấy tiếng Pháp làm ngôn ngữ giảng dạy chính trong nhà trường, nhằm mục đích lấy “Tây học” thay “Nho học” để phục vụ cho chính sách nô dịch của chính quyền thuộc địa.

(3) Một điều cần thiết cho tư cách độc lập của phụ nữ chức nghiệp (*Phụ nữ Thời đàm*, 22/1/1933), Chị em bạn gái nên chú trọng về đường thực nghiệp (*Phụ nữ Thời đàm*, 19/3/1931), Chức nghiệp và địa vị của phụ nữ trong xã hội (*Phụ nữ Tân tiến*, 1/10/1932), Thực nghiệp với phụ nữ (*Phụ nữ Tân tiến*, 1/4/1932), Chị em phụ nữ Trung Kỳ với phong trào lao động (*Đàn bà Mới*, 29/12/1934), Một vấn đề thiết thực: Phụ nữ với chức nghiệp (*Đàn bà Mới*, 5/10/1936)...

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Băng Tâm nữ sĩ. 1929. “Bàn thêm về sự tự do kết hôn”. *Phụ nữ Tân văn*, số 23, tr. 11-12.
2. Chung Bá Khánh. 1930. “Chị em ta nên cần có học thức”. *Phụ nữ Tân văn*, số 49: 6.
3. Đạm Phương. 1930. “Vì sao phụ nữ cần phải có học thức rộng”. *Phụ nữ Tân văn*, số 42, tr. 5-6.
4. Đặng Thị Vân Chi. 2004. “Ảnh hưởng của văn hóa Đông - Tây đối với địa vị của phụ nữ Việt Nam trong lịch sử”. *Khoa học về Phụ nữ*, số 3 (64) , tr. 47-55.
5. Đào Hoa. 1929. “Sức khôn của đàn bà có thua gì đàn ông hay không?”. *Phụ nữ Tân văn*, số 5, tr. 13.
6. Huỳnh Lan. 1929. “Chị em ta nên học những nghề nghiệp để mưu tự lập lấy thân”. *Phụ nữ Tân văn*, số 10, tr. 5.
7. P.N.T.V. 1929. “Cái vấn đề nữ lưu giáo dục”. *Phụ nữ Tân văn*, số 7, tr. 5.
8. P.N.T.V. 1929. “Vấn đề phổ thông tri thức cho đàn bà – Có lẽ nào chị em ta chịu dốt?”. *Phụ nữ Tân văn*, số 33, tr. 5-6.
9. Phan Khôi. 1929. “Chữ trinh, cái tiết với cái nết”. *Phụ nữ Tân văn*, số 21, tr. 13-14.
10. Phan Khôi. 1931. “Tống Nho với phụ nữ”. *Phụ nữ Tân văn*, số 95, tr. 8.
11. Phương Lan. 1930. “Cái tánh lạt lẽo của chị em ta đối với mọi việc”. *Phụ nữ Tân văn*, số 60, tr. 3.
12. Phương Lan. 1930. “Chị em ta đừng ăn bám chồng con nữa”. *Phụ nữ Tân văn*, số 64, tr. 5-6.
13. Trần Hàn Giang. 2004. *Về một số lý thuyết nữ quyền*. *Khoa học về Phụ nữ*, số 1, tr. 12.
14. Việt An Thôn nữ. 1930. “Nghĩa vụ của chị em là phải lo cho có nghề nghiệp”. *Phụ nữ Tân văn*, số 44, tr. 6.
15. https://vi.wikipedia.org/wiki/chu_nghia_nu_quyen, truy cập ngày 25/9/2019.
16. <http://sites.google.com/site/xahoihocsociologv/cackhainiemlythuyetxahoihoc/lythuyetnuquyen>, truy cập ngày 15/10/2019.